TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U M T** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HSST
Ngày: 10.7.2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Châu Văn Ấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Nguyễn Hoàng Hổ.

2. Bà Phạm Thị Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Thanh Lam - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang. Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2018/TLST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Trí T, sinh năm 1986; Nơi sinh: huyện K L, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký NKTT: Khu phố 2, phường P Đ, thị xã H T, tỉnh Kiên Giang; Nơi cư trú Khu phố 2, phường P Đ, thị xã H T, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp Ngư phủ; trình độ văn hóa 8/12; dân tộc kinh; giới tính nam; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Văn D, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; vợ không; con không; tiền sự không; tiền án không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/5/2018 cho đến nay (có mặt).

** Người bị hại:*

Trần Văn L, sinh năm 1982 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp X L, xã T Y A, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang

* *Người làm chứng:*

1/ Lê Tứ P, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp M D A, xã M Th, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

2/ Nguyễn Thị A, sinh năm 1988 (vắng mặt)

3/ Lâm Phước H1, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Đồng cư trú: Ấp Đ V D, xã T Y, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17 giờ 30 phút ngày 06/5/2018, Phạm Trí T đi xe buýt từ huyện V Th về chợ Công Sự, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang thì T xuống xe và đi vào tiệm tạp hóa mua hai chai keo dán dép nhãn hiệu con voi, T sử dụng và hít hết hai chai keo. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T đi bộ lại nhà chị Nguyễn Thị A (quán cơm) thuộc ấp Đ V D, xã T Y, huyện U M T, tỉnh Kiên Giang, tại đây T ngồi quan sát theo dõi cho đến khoảng 22 giờ thì thấy A Trần Văn L chạy xe mô tô nhãn hiệu Yamaha sirius, màu đỏ - đen biển kiểm soát 68L1-041.16 về tới nhà, cách nhà của chị Nguyễn Thị A khoảng 15m, L đậu xe mô tô trước nhà và chìa khóa còn trên xe, sau đó T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, T đi sang nhà anh L trộm xe và lên xe chạy về hướng Thứ 7 thì bị chị Nguyễn Thị A phát hiện và truy hô. Trong lúc truy hô thì anh L đuổi theo thì gặp anh Lâm Phước H1 chạy tới cùng lên xe đuổi theo, khi chạy được khoảng 500m thì phát hiện T đang xuống xe và mở cốp xe tìm kiếm tài sản thì bị bắt giữ, sau đó T vùng vẫy và bỏ chạy về hướng cầu vượt thì A H1 tiếp tục đuổi theo khoảng 200m thì được anh Lê Tứ P hỗ trợ cùng anh H1 bắt giữ T giao cho cơ quan Công an. Qua làm việc, Phạm Trí T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 11/KL-HĐĐG ngày 15/5/2018 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện U M T, kết luận: 01 (một), chiếc xe mô tô biển số 68L1-041.16, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn: đỏ - đen, số máy: 5C6494306; số khung; C640CY943380. Mua mới và sử dụng vào ngày 11/12/2012, được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị **là 6.390.000 đồng** (Sáu

triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng).

Về vật chứng trong vụ án: 01 (một), chiếc xe mô tô biển số 68L1-041.16, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn: đỏ - đen, số máy: 5C6494306; số khung; C640CY943380, đã qua sử dụng.

Về xử lý vật chứng: Ngày 11/5/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U M T trả lại cho bị hại Trần Văn L, gồm: 01 (một), chiếc xe mô tô biển số 68L1-041.16, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn: đỏ - đen, số máy: 5C6494306; số khung; C640CY943380.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 25/6/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Phạm Trí T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Trí T từ 06 đến 07 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trần Văn L đã nhận lại tài sản mất không yêu cầu bị cáo bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Tại phiên tòa:

Bị cáo T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T đã truy tố.

Theo đơn xin xét xử vắng mặt người bị hại L không yêu cầu bị cáo bồi thường gì; về trách nhiệm hình sự yêu cầu tùy theo phiên tòa xét xử.

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trA tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa qua kết quả thẩm vấn, lời khai bị cáo, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ thể hiện: Vào khoảng 22 giờ ngày 06/5/2018, lợi dụng sơ hở của anh Trần Văn L đậu xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 68L1-041.16 trước nhà và sơ hở để chìa khóa

còn trên xe nên Phạm Trí T nảy sinh ý định trộm cắp. T đi qua nhà anh L lấy trộm xe và lên xe chạy về hướng Thứ 7 thì bị bắt quả tang.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, các chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và theo thông báo kết luận của Hội đồng định giá tài sản chiếc xe mô tô biển kiểm soát 68L1-041.16 bị cáo chiếm đoạt giá trị là **6.390.000 đồng** (Sáu triệu, ba trăm chín mươi nghìn đồng) đủ cơ sở kết luận. Bị cáo Phạm Trí T phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

[2] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy: Trộm cắp tài sản của người khác là hành vi vi phạm pháp luật bị cáo biết rõ nhưng vì tham lam lợi dụng sơ hở không cảnh giác của người bị hại, bị cáo tiến hành lấy trộm chiếc xe biển kiểm soát 68L1-041.16 của ông L. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật và rất nguy hiểm cho xã hội, làm mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang và dư luận xấu trong quần chúng nhân dân.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Mặt khác, bản thân bị cáo có nhân thân xấu ngày 24/12/2002 Ủy ban nhân dân thị xã H T áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính đưa vào Trường giáo dưỡng thời gian 24 tháng.

Sau khi xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của xã hội cho hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt, sống có ích cho xã hội và làm gương cho người khác có ý định phạm tội.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát huyện U M T về tội danh và đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo T từ 06 đến 07 tháng tù là có căn cứ, có cơ sở.

Bị cáo T xin được giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử ghi nhận và xem xét khi nghị án.

[5] Về các vấn đề khác:

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trần Văn L đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trả lại cho người bị hại Trần Văn L: 01 (một), chiếc xe mô tô biển số 68L1-041.16, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn: đỏ - đen, số máy: 5C6494306; số khung; C640CY943380.

Ngày 11/5/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U M T trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 68L1-041.16 cho người bị hại Trần Văn L xong.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Trí T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51và Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Trí T 06 (sáu) tháng tù. Thời điểm chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam ngày 07/5/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Trần Văn L đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường gì, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trả lại cho người bị hại Trần Văn L: 01 (một), chiếc xe mô tô biển số 68L1-041.16, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn: đỏ - đen, số máy: 5C6494306; số khung; C640CY943380.

Ngày 11/5/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện U M T trả lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 68L1-041.16 cho người bị hại Trần Văn L xong.

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Phạm Trí T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi đương sự cư trú.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U M T;
- Công an huyện U M T;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U M T;
- Lưu.

Châu Văn Ấn